

Số: /UBND-BC

Phước Minh, ngày tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn xã Phước Minh

Thực hiện nội dung Công văn số 72/HĐND-VP ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021; Kế hoạch số 02/KH-ĐGS ngày 29/3/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Giám sát chuyên đề “ Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn tỉnh”.

Ủy ban nhân dân xã Phước Minh tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

Xã Phước Minh là xã cận Sơn nằm phía Nam của huyện Thuận Nam, cách trung tâm huyện 4 km về phía Nam. Phía Đông giáp xã Phước Dinh, phía Tây giáp xã Nhị Hà, phía Nam giáp xã Phước Diêm và xã Cà Ná, phía Bắc giáp xã Phước Nam và xã Phước Ninh.

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã là 7.766,97ha, gồm: 6.424,78ha là đất nông nghiệp chiếm 82,72%, 1.036,01ha là đất phi nông nghiệp chiếm 13,34%, 306,08ha là đất chưa sử dụng chiếm 3,94%, 64,83ha là đất ở dân cư nông thôn chiếm tỷ lệ 0,83%.

Theo số liệu thống kê từ năm 2016 thì diện tích đất rừng chiếm 2.836,90 ha gồm: đất có rừng 1.496,79 ha (*đất rừng tự nhiên 1.433,78 ha; đất rừng trồng: 63,01 ha*), đất chưa có rừng: 1.340,11 ha (*đất trống có cây gỗ tái sinh: 677,86 ha; đất trống không có cây gỗ tái sinh: 662,25 ha*). Trữ lượng gỗ 20.982 m³, trữ lượng tre nửa 156.000 cây.

Đến cuối năm 2021 thì diện tích đất rừng chiếm 2.873,84 ha gồm: đất có rừng 1.521,34 ha (*đất rừng tự nhiên 1.433,78 ha; đất rừng trồng: 87,56 ha*), đất chưa có rừng 1.352,5 ha (*đất trống có cây gỗ tái sinh: 690,25 ha; đất trống không có cây gỗ tái sinh: 662,25 ha*).

Trong những năm qua, UBND xã luôn bám sát và chỉ đạo lực lượng của xã phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam, Kiểm lâm địa bàn, lực lượng công an – quân sự huyện, xã tăng cường tuần tra, kiểm tra, xử lý các vụ việc vi phạm liên quan đến đất rừng và các hành vi phá rừng, khai thác lâm sản trong phạm vi địa phương quản lý; phối hợp tổ chức vận động, tuyên truyền và cho các trường hợp chăn nuôi, trồng trọt, các hộ dân buôn bán cây cảnh ký cam kết; Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng từ đầu năm và đảm bảo lực lượng cơ động, phối hợp trong công tác theo dõi, kiểm tra, thông báo

các cấp độ phòng cháy rừng; Thống kê và theo dõi, vận động các hộ buôn bán cây cảnh dọc tuyến quốc lộ 1A không mua, bán cây cảnh trái phép từ rừng.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn xã

1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 – 2021

- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;
- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;
- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;
- Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng;
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Kế hoạch số 66/KHPH-PCCC-KL ngày 09/4/2021 về việc phối hợp giữa Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và Cục Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật

về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021 theo thẩm quyền (thống kê kèm danh mục văn bản ban hành)

- Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 10/5/2017 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Kế hoạch số 4603/KH-UBND ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 10/5/2017 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 496/QĐ- UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

- Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

- Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chế độ đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2020;

- Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công văn số 5821/UBND-KTTH ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

- Quy chế số 27/QC-SNNPTNT-CAT ngày 17/3/2021 về việc phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công an tỉnh về bảo vệ an ninh

quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quy chế số 508/QCPH-QS-BP-CA-SNNPTNT ngày 03/4/2017 giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác bảo vệ biên giới, biển đảo; bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

Hàng năm, Ban Chỉ huy BVR huyện Thuận Nam, Ban Chỉ huy BVR và PCCCR của xã đã ban hành các công văn, kế hoạch về việc phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô và truy quét chống phá rừng; Kế hoạch tuần tra, truy quét định kỳ và đột xuất; Kế hoạch triển khai công tác tuyên truyền và ký cam kết quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đối với các cơ sở, cá nhân và hộ gia đình hàng năm; thành lập nhóm cộng đồng dân cư thôn Lạc Tiến để tham gia thực hiện việc giao khoán bảo vệ 750 ha rừng tự nhiên của xã gồm 20 thành viên.

Công tác củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy BVR và PCCCR của xã được thực hiện thường xuyên để đảm bảo đầy đủ lực lượng hỗ trợ thực hiện công tác theo dõi, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hoạt động vi phạm đên rừng, đất rừng; công tác phòng cháy, chữa cháy rừng vào mùa khô; truy quét chống phá rừng; phát triển hoạt động trồng và mở rộng diện tích đất rừng.

Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện của cấp ủy, chính quyền địa phương đã tạo cơ sở Pháp lý để thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã đạt hiệu quả cao bằng những hành động cụ thể cũng như đề ra các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng bền vững trong tương lai.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, của cơ quan, tổ chức, cá nhân, địa phương nơi có rừng trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ và phát triển rừng

Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ trọng tâm, ngay từ đầu năm 2016 đến hết năm 2021, Kiểm Lâm địa bàn đã tham mưu chính quyền địa phương trong công tác phối hợp với BQL rừng PHVB Thuận Nam tổ chức từ 29 đợt tuyên truyền về Bảo vệ rừng và PCCCR với hơn 328 lượt người, ký cam kết cho 146 hộ sống trong và ven rừng và các hộ kinh doanh cây cảnh trên địa bàn xã Phước Minh. Hình thức tuyên truyền: trực tiếp tại nương rẫy hoặc nơi chăn nuôi của các hộ dân đang canh tác.

Nội dung tuyên truyền chủ yếu tập trung phổ biến các quy định pháp luật về Luật bảo vệ và phát triển rừng và Nghị định số 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và lâm sản; các văn bản, chỉ thị có liên quan đến nghiêm cấm các hành vi lấn chiếm đất lâm nghiệp, các nội dung về tuân thủ các quy định về PCCCR trên địa bàn xã.

4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân (khách quan, chủ quan): hạn chế quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, hạn chế quy định trong các văn bản cụ thể hoá chỉ đạo, điều hành, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

a. Những thuận lợi, khó khăn;

*** Thuận lợi:**

- Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là công tác chống phá rừng luôn được chính quyền địa phương quan tâm chú trọng.

- Chính quyền địa phương luôn tạo mọi điều kiện để công tác phối kết hợp với các lực lượng bảo vệ rừng trên địa bàn được nhịp nhàng, đồng bộ và đạt hiệu quả.

- Địa bàn xã có rừng được giao rừng cho đơn vị chủ rừng quản lý nên việc phối kết hợp giữa kiểm lâm địa bàn với đơn vị chủ rừng rất thuận lợi.

*** Khó khăn:**

- Việc phối kết hợp trong truy quét chống phá rừng chưa được duy trì thường xuyên liên tục, việc trao đổi thông tin, qua lại với nhau còn chậm.

- Kiểm lâm địa bàn, các thành viên trong Ban chỉ huy BVR&PCCCR xã còn kiêm nhiệm nên việc tuần tra, kiểm tra các đối tượng khai thác, vận chuyển đào bới cây cảnh trên địa bàn chưa được thường xuyên.

- Công tác tổ chức phối hợp tuần tra, kiểm tra rừng chưa triển khai thường xuyên nên đối tượng phá rừng vẫn lén lút vào rừng khai thác đào bới vận chuyển cây cảnh, chặt cây hầm than, đặt biệt việc lấn chiếm đất rừng trái pháp luật vẫn còn diễn ra.

- Các đối tượng, thủ đoạn khai thác, vận chuyển đào bới cây cảnh trái pháp luật ngày càng tinh vi hơn, nên công tác quản lý bảo vệ rừng gặp rất nhiều khó khăn.

- Kinh phí chi trả không đáp ứng kịp thời, do không có nguồn thu.

- Phương tiện, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị phục vụ cho công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng không có.

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn tỉnh

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

a) Công tác quản lý rừng:

- Tổng hợp độ che phủ rừng Năm 2016:

T.D Tích có rừng	Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng						Diện tích ngoài 3 loại rừng	Diện tích tự nhiên	Độ che phủ rừng (%)
	Tổng	Chia theo nguồn gốc		Chia theo mục đích sử dụng					
		R. tự nhiên	R. trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản Xuất			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.487,9 6	1.487 ,96	1.433,78	54,18	0,00	1.487,9 6	0,00	0,00	7.766,8 7	19,16

- Tổng hợp độ che phủ rừng Năm 2017 :

	Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng	Diện tích	Diện tích	Độ
--	---------------------------------------	-----------	-----------	----

T.D Tích có rừng	Tổng	Chia theo nguồn gốc		Chia theo mục đích sử dụng			ngoài 3 loại rừng	tự nhiên	che phủ rừng (%)
		R. tự nhiên	R. trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản Xuất			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.488,0	1.488,0	1.433,8	54,18	0,00	1.488,0	0,00	0,00	7.766,9	19,16

- Tổng hợp độ che phủ rừng Năm 2018:

T.D Tích có rừng	Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng						Diện tích ngoài 3 loại rừng	Diện tích tự nhiên	Độ che phủ rừng (%)
	Tổng	Chia theo nguồn gốc		Chia theo mục đích sử dụng					
		R. tự nhiên	R. trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản Xuất			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.487,96	1.487,96	1.433,78	54,18	0,00	1.487,96	0,00	0,00	7.766,87	19,16

- Tổng hợp độ che phủ rừng Năm 2019:

T.D Tích có rừng	Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng						Diện tích ngoài 3 loại rừng	Diện tích tự nhiên	Độ che phủ rừng (%)
	Tổng	Chia theo nguồn gốc		Chia theo mục đích sử dụng					
		R. tự nhiên	R. trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản Xuất			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.487,96	1.487,96	1.433,78	54,18	0,00	1.487,96	0,00	0,00	7.766,87	19,16

- Tổng hợp độ che phủ rừng Năm 2020:

T.D Tích có rừng	Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng						Diện tích ngoài 3 loại rừng	Diện tích tự nhiên	Độ che phủ rừng (%)
	Tổng	Chia theo nguồn gốc		Chia theo mục đích sử dụng					
		R. tự nhiên	R. trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản Xuất			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.632,70	1.632,70	1.573,80	54,18	0,00	1.632,70	0,00	0,00	7.766,87	21,02

Tổng hợp độ che phủ rừng Năm 2021:

T.D Tích có rừng	Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng						Diện tích ngoài 3 loại rừng	Diện tích tự nhiên	Độ che phủ rừng (%)
	Tổng	Chia theo nguồn gốc		Chia theo mục đích sử dụng					
		R. tự nhiên	R. trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản Xuất			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7.766,	1.769,35	1.537,08	54,18	0,00	1.777,1	0,00	0,00	7.766,87	22,78

- Công tác xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2026 theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan: Gồm Tiểu khu 204, 205a, 205b, 200d nằm trên địa giới hành chính xã Phước Minh thuộc lâm phần quản lý của BQLRPHVB Thuận Nam

- Công tác tích hợp quy hoạch 03 loại rừng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Chỉ tiêu quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, năm 2030.

- Công tác giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo quy định pháp luật và so với quy hoạch 03 loại rừng của Tỉnh giai đoạn 2016-2025:

+ Công tác bàn giao thực địa, hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng và UBND xã;

+ Công tác tổ chức cắm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp.

- Lập hồ sơ quản lý nương rẫy (kết quả quản lý diện tích đất nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng).

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021, đặc biệt là chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định pháp luật.

- Đánh giá công tác tổ chức quản lý rừng đảm bảo theo nguyên tắc, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Đánh giá công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng (diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm), xây dựng cơ sở dữ liệu rừng:

Kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban Xã Phước Minh, tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn; tiếp nhận, thu thập thông tin và kiểm tra, xác minh thông tin biến động về rừng và đất quy hoạch phát triển rừng do các chủ rừng báo; Hướng dẫn, đôn đốc các chủ rừng và tổ chức được giao quản lý quy hoạch phát triển rừng báo cáo thông tin biến động về rừng và đất quy hoạch phát triển rừng theo quy định.

b) Công tác bảo vệ rừng:

- Công tác truy quét chống phá rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2021; đặc biệt là tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh tỉnh (*Ninh Thuận và Bình Thuận*); kết quả ký kết và thực hiện quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh, giữa các đơn vị chủ rừng, các tổ chức và cộng đồng tại địa phương: Thực hiện theo Thông tư số 144/2002/TTLT-BNN&PTNT-BCA-BQP ngày 13/12/2002 của liên Bộ NN&PTNT, Bộ CA và Bộ Quốc phòng về Hướng dẫn phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng để phối hợp xây dựng quy chế tổ chức triển khai

thực hiện nhiệm vụ QLBR, PCCCR trên địa bàn xã. Căn cứ vào Quyết định số 39/2009/QĐ-TTg ngày 09/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm và lực lượng dân quân tự vệ trong công tác bảo vệ rừng để phối hợp xây dựng quy chế tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ QLBR. Quy chế phối hợp giữa Kiểm lâm và Dân quân tự vệ địa phương (Nghị định 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ).

- Đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

Việc lập phương án và tổ chức lực lượng thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng, vai trò trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp chữa cháy rừng. Thống kê số vụ cháy, diện tích, mức độ thiệt hại: Chỉ đạo cho kiểm lâm địa bàn tham mưu cho UBND xã xây dựng báo cáo tổng kết năm 2021, phương án, kế hoạch triển khai công tác PCCCR và truy quét chống phá rừng năm 2022.

- Tình hình vi phạm, kết quả xử lý các hành vi vi phạm về lâm nghiệp, nhất là tại vùng giáp ranh; tình hình lấn chiếm rừng và đất rừng, mở rộng, coi nới diện tích đất nương rẫy: Ngăn chặn triệt để tình trạng chặt phá rừng, săn bắt động vật hoang dã, vận chuyển, kinh doanh, mua bán đào bới cây cảnh pháp luật. Giải quyết xoá bỏ các điểm nóng về phá rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc phá rừng trên địa bàn, tăng cường trách nhiệm cho các ngành, các cấp trong công tác quản lý bảo vệ rừng, kịp thời trấn áp, làm rõ hành vi vi phạm của các đối tượng phá rừng.

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng: Đánh giá kết quả thực hiện công tác phát triển rừng so với các chỉ tiêu, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh:

- Công tác giao khoán bảo vệ rừng kết hợp triển khai mô hình sinh kế: Các mô hình giao khoán bảo vệ rừng kết hợp chăn nuôi: Thực hiện trách nhiệm BVR theo phương án PCCCR và truy quét chống phá rừng, đáp ứng yêu cầu thực tế vào diện tích rừng đã nhận khoán bảo vệ. Phải tổ chức phân công trực tại các khu vực trọng điểm cháy trong những ngày, tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng, có trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm tra ngăn chặn các trường hợp ra vào rừng không có lý do chính đáng. Khi có cháy rừng trên diện tích khoán quản của mình phải báo cáo ngay về BCH BVR&PCCCR xã để điều động lực lượng BQLR PH VB Thuận Nam, tổ đội PCCCR cứu chữa kịp thời.

- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:

+ Kết quả trồng rừng, chăm sóc rừng theo các Chương trình, dự án;

+ Kết quả trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2013-2021 theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và Luật Lâm nghiệp năm 2017 đối với các dự án do chủ dự án tự trồng rừng thay thế và các dự án nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

+ Đánh giá hiệu quả trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh, diện tích trồng rừng thay thế thành rừng, diện tích trồng rừng thay thế không thành rừng, trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định pháp luật về lâm nghiệp.

- Đánh giá kết quả thực hiện phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ cho nhiệm vụ trồng rừng hằng năm:

Trồng rừng cây Thanh thất mang lại hiệu quả cao, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai và chống biến đổi khí hậu, chống xói mòn, sạt lở đất núi, đá lăn, phủ xanh đồi núi trọc, góp phần tăng độ che phủ rừng. Việc bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, hạn chế những tác động vào rừng, ngăn chặn kịp thời các nạn phá rừng, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép, chặt cây, hầm than, lấn chiếm rừng, đất rừng,..Góp phần bảo vệ vốn rừng hiện còn, làm tăng độ che phủ của rừng, giữ lượng nước ngầm, bảo vệ các công trình, ngăn chặn lũ lụt, hạn chế tình trạng sa mạc hoá, ổn định sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong khu vực.

- Đánh giá kết quả thực hiện kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng: Việc bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, hạn chế những tác động vào rừng, ngăn chặn kịp thời các nạn phá rừng, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép, chặt cây, hầm than, lấn chiếm rừng, đất rừng,..Góp phần bảo vệ vốn rừng hiện còn, làm tăng độ che phủ của rừng, giữ lượng nước ngầm, bảo vệ các công trình, ngăn chặn lũ lụt, hạn chế tình trạng sa mạc hoá, ổn định sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong khu vực.

- Đánh giá về công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp các cấp thực hiện có hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là cấp thiết và rất quan trọng trong tình hình hiện nay.

3. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021 bao gồm:

- Chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp với các lực lượng của xã theo dõi nắm bắt tình hình trên địa bàn, kịp thời tham mưu cho BCH BVR&PCCR xã. Đồng thời hướng dẫn nhân dân trong việc phát dọn đốt nương rẫy cũ, dùng lửa trong rừng để phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn đã xảy ra 03 vụ cháy rừng phạm vi nhỏ và đã được lực lượng bảo vệ rừng dập tắt kịp thời, không để lan rộng; hàng tháng trong quý, năm đều tiến hành tuần tra, truy quét và xử lý các vi phạm liên quan (chặt củi, hầm than, đào cây cảnh...).

4. Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu xã liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương coi việc quản lý, bảo vệ rừng là nhiệm vụ chính trị với sự tham gia toàn thể hệ thống chính quyền từ xã đến thôn. Trong đó: Tập trung lãnh đạo, sâu sát nắm bắt tình hình để ngăn chặn kịp thời các vi phạm, tuyên truyền vận động những người sống gần rừng có trách nhiệm tham gia bảo vệ rừng và hỗ trợ giám sát, báo kịp thời các vụ việc liên quan đến phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát về hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ đất rừng, đất rừng quy hoạch cho lâm nghiệp; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi phá rừng, khai thác lâm sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý, bảo vệ rừng thuộc phạm vi diện tích được giao, bảo đảm diện tích rừng được quản lý, bảo vệ tốt, đặc biệt là các khu vực rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn xã triển khai lập hồ sơ địa chính, xác định ranh giới và tiếp nhận mốc ranh giới đã cắm để tổ chức quản lý, bảo vệ đối với

diện tích rừng được giao quản lý, bảo vệ. Không xác nhận hồ sơ xin xác nhận “đất rẫy” của hộ dân khi chưa đủ cơ sở, tài liệu pháp lý chứng minh nguồn gốc hợp pháp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, lực lượng công an, các đơn vị chủ rừng tiếp tục rà soát, giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp huyện rà soát các trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất đảm bảo quy định pháp luật, tránh việc chồng lấn đất rừng.

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi: Về công tác chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng, công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền, đoàn thể đối với cộng đồng trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ rừng rất quan tâm và ủng hộ đối với chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng. Được sự quan tâm của lãnh đạo, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể thường xuyên phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành nghiêm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ rừng.

- Khó khăn: Việc phối kết hợp trong truy quét chống phá rừng chưa được duy trì thường xuyên liên tục, việc trao đổi thông tin, qua lại với nhau còn chậm.

+ Kiểm lâm địa bàn, các thành viên trong Ban chỉ huy BVR&PCCCR xã còn kiêm nhiệm nên việc tuần tra, kiểm tra các đối tượng khai thác, vận chuyển kinh doanh, mua bán, đào bới cây cảnh trên địa bàn chưa được thường xuyên.

+ Công tác tổ chức phối hợp tuần tra, kiểm tra rừng chưa triển khai thường xuyên nên đối tượng phá rừng vẫn lén lút vào rừng khai thác gỗ, chặt cây hàm than, đặt biệt việc lấn chiếm đất rừng trái pháp luật vẫn còn diễn ra.

+ Các đối tượng, thủ đoạn khai thác, vận chuyển trái phép lâm sản ngày càng tinh vi hơn, nên công tác quản lý bảo vệ rừng gặp rất nhiều khó khăn.

+ Kinh phí chi trả không đáp ứng kịp thời, do không có nguồn thu.

+ Phương tiện, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị phục vụ cho công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng không có.

2. Kết quả đạt được:

- Được sự quan tâm, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ của hạt Kiểm lâm Thuận Nam, Ban quản lý rừng PHVB Thuận Nam và lực lượng xã đã hỗ trợ kịp thời trong công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng.

- Kiểm lâm địa bàn thường xuyên phối hợp với Tổ KL Cơ động và BQLR PHVB Thuận Nam, lực lượng xã tổ chức, kiểm tra, truy quét các vùng trọng điểm, vùng giáp ranh, qua đó cũng đã tổ chức nhiều đợt đi tuyên truyền, vận động nhân dân không được chặt cây trong rừng về nhà hàm than nhằm góp phần làm giảm tình hình vận chuyển kinh doanh, mua bán cây cảnh và khai thác rừng trái pháp luật trên địa bàn xã.

- Hiệu quả kinh tế: Trong công tác giao khoán bảo vệ rừng gắn với sinh kế, 03 nhóm cộng đồng có thêm nguồn thu nhập ổn định; Là động lực để phát triển

kinh tế nông thôn, xóa đói giảm nghèo và nâng cao nhận thức của người dân tham gia bảo vệ rừng bền vững. Góp phần phát triển kinh tế xã hội, ổn định An ninh quốc phòng.

- Hiệu quả về môi trường: Trồng rừng cây Thanh thất mang lại hiệu quả cao, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai và chống biến đổi khí hậu, chống xói mòn, sạt lở đất núi, đá lăn, phủ xanh đồi núi trọc, góp phần tăng độ che phủ rừng. Việc bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, hạn chế những tác động vào rừng, ngăn chặn kịp thời các nạn phá rừng, khai thác vận chuyên lâm sản trái phép, chặt cây, hầm than, lấn chiếm rừng, đất rừng,... Góp phần bảo vệ vốn rừng hiện còn, làm tăng độ che phủ của rừng, giữ lượng nước ngầm, bảo vệ các công trình, ngăn chặn lũ lụt, hạn chế tình trạng sa mạc hoá, ổn định sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong khu vực.

3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc:

- Công tác tuyên truyền, vận động trong quần chúng nhân dân còn hạn chế.
- Công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Một số tụ điểm khai thác rừng, chặt cây hầm than, vận chuyên lâm sản trái pháp luật chưa được ngăn chặn, triệt để.
- Các đối tượng, thủ đoạn khai thác, vận chuyên lâm sản trái pháp luật ngày càng tinh vi hơn, nên công tác quản lý bảo vệ rừng còn gặp nhiều khó khăn.
- Sự phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ rừng trong xã, đơn vị chủ rừng chưa được thường xuyên, nên còn hạn chế trong công tác triển khai đồng bộ.

4. Nguyên nhân hạn chế:

- *Nguyên nhân khách quan:* Đời sống nhân dân vùng giáp ranh nói riêng và trong toàn Xã nói chung còn nhiều khó khăn, vẫn tồn tại một bộ phận nhân dân sống bằng nghề rừng; mặt khác do áp lực về nhu cầu sử dụng lâm sản trong xã hội lớn, thu nhập từ nghề rừng khá cao so với công lao động, tạo động lực cho người dân tham gia phá rừng; vì vậy chưa ngăn chặn triệt để các hành vi khai thác, mua bán, vận chuyên và lấn chiếm đất rừng trái pháp luật trên toàn địa bàn Xã. Các vùng trọng điểm xảy ra phá rừng trên địa bàn Xã và các vùng giáp ranh có địa hình hiểm trở, xa dân cư, xa trụ sở chính quyền địa phương nên công tác theo dõi nắm tình hình và tổ chức ngăn chặn gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời. Lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng còn thiếu về trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng, công cụ hỗ trợ trong truy quét chống phá rừng, nên chưa làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng tận gốc.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Một số chính quyền cấp xã chưa thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp đối với UBND các cấp, và xem nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng là trách nhiệm của các cơ quan ngành lâm nghiệp. Thiếu sự chỉ đạo thống nhất và phối hợp thường xuyên trong công tác chống phá rừng giữa các lực lượng nên hiệu quả chưa cao. Công tác tuần tra truy quét tiến hành chưa thường xuyên, do vậy tình trạng phá rừng và các hành vi khai thác đào bới kinh doanh, mua bán cây cảnh trái pháp luật vẫn còn xảy ra.

Việc phối hợp tuần tra truy quét giữa các xã thuộc huyện Thuận Nam và các huyện giáp ranh như Tuy Phong - Bình Thuận chưa được triển khai thường

xuyên. Công tác nắm bắt địa bàn của một số công chức Kiểm lâm được giao phụ trách chưa thật sự sâu, sát, chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ của mình nên công tác tham mưu địa phương giải quyết, xử lý các vụ việc phát sinh chưa kịp thời.

5. Một số bài học kinh nghiệm:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ rừng trên địa bàn, thường xuyên ngăn chặn nạn khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn.

- Thường xuyên phối hợp với các lực lượng bảo vệ rừng tuần tra, truy quét các điểm nóng, khu vực giáp ranh, kịp thời ngăn chặn nhằm hạn chế tình trạng đào bới cây cảnh, khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng nhiều hình thức thích hợp và nội dung phong phú, để đạt hiệu quả cao nhất.

Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng năm 2022 được các cấp thẩm quyền phê duyệt; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Phương án PCCCR&CPR 2022 của Ban chỉ huy BVR&PCCCR các xã có rừng, các đơn vị chủ rừng.

2. Công tác phát triển rừng: Phấn đấu quản lý bảo vệ và phát triển rừng một cách bền vững, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng; giảm thiểu số vụ cháy và mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra; giảm về quy mô và số lượng các vụ vi phạm các quy định quản lý, bảo vệ rừng, hạn chế và tiến tới xóa bỏ các trọng điểm phá rừng; lập trật tự kỷ cương trong hoạt động chế biến kinh doanh gỗ và lâm sản; phát hiện kịp thời, xử lý nhanh gọn, dứt điểm và đúng pháp luật. Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện còn, cần tập trung công tác trồng rừng nhằm nâng cao độ che phủ rừng để bảo vệ được nguồn nước và môi trường sinh thái trên địa bàn Xã.

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Trung ương: Tiếp tục có các chủ trương, chính sách giao đất trồng rừng, tổ chức trồng rừng và duy trì hoạt động của các Tổ cộng đồng về bảo vệ rừng để bảo vệ diện tích đất rừng, lâm sản từ rừng cũng như tăng độ che phủ và tăng diện tích đất rừng có cây rừng trồng.

2. Đối với Tỉnh, huyện: Có các Phương án, chủ trương triển khai các quy chế phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến rừng mang tính răn đe và buộc chấp hành quy định pháp luật; hỗ trợ cấp xã tăng cường được lực lượng quản lý diện tích rừng được giao, đang quản lý./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát (Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh);
- UBND huyện Thuận Nam;
- Kiểm lâm huyện Thuận Nam;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Phú